

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 15 /2024/HNGĐ- ST

Ngày: 16 - 4- 2024.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đào Văn Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số **28/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2023** về “ *Tranh chấp ly hôn, con chung* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Thân Văn Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày: Chị và anh Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới chị và anh Th sống chung tại nhà chị ở xã Đ, huyện S. Năm 2020, vợ chồng chuyển về thôn B (nay là tổ dân phố B), xã T (nay là phường Tăng T) sinh sống. Ban đầu vợ chồng hạnh phúc, năm 2021 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không đồng nhất quan điểm dẫn đến trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị về nhà bố mẹ để ở từ năm 2022 đến nay. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Thân Tuyết A, sinh năm 2018, hiện cháu đang ở với anh Th. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm dịch vụ y tế tại nhà thu nhập khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/1 tháng. Trường hợp anh Th không đồng ý cho chị nuôi con, chị đồng ý cho anh Th nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con nếu anh Th yêu cầu. Hiện mẹ con đang ở với mẹ đẻ của chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Không có

Do tính chất công việc bận công việc, chị đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

Anh Thân Văn Th là bị đơn trình bày: Anh và chị T kết hôn tìm hiểu, thỏa thuận, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới, năm 2017 vợ chồng sống cùng gia đình chị T. Năm 2020 vợ chồng về sinh sống tại xã T (nay là phường T), huyện V (nay là thị xã V). Vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 con chung, khoảng vài tháng gần đây chị T kiên quyết xin ly hôn mặc dù vợ chồng không có mâu thuẫn. Chị T đi làm anh ở nhà mở cửa hàng và chăm sóc 1 con chung và 1 con riêng của chị T. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thân Tuyết A sinh ngày 18/3/2018, hiện cháu ở với anh. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh bán hàng điện thoại thu nhập ổn định trung bình 8.000.000 đồng/1 tháng, anh sống chung cùng bố mẹ.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất nông nghiệp anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Thân Văn Th.
- *Về con chung:* Giao cho anh Th nuôi con chung tên Thân Tuyết A sinh ngày 18/3/2018, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.
- *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V nay là thị xã V.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Ngô Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã V giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Thân Văn Thanh là bị đơn cư trú tại: Thôn B (nay là tổ dân phố B), xã T (nay là phường T), huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Chị Ngô Thị T là nguyên đơn, anh Thân Văn Th là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Chị T và anh Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị T kết hôn với anh Thân Văn Th ngày 15 tháng 9 năm 2016, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không đồng nhất quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2022 chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng, chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh ở địa phương cung cấp: Anh Thân Văn Th và chị Ngô Thị T kết hôn và có thời gian sinh sống tại tổ dân phố B, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chị T, anh Th có 01 con chung hiện do anh Th nuôi dưỡng. Vợ chồng chị T anh Th mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được do là vợ chồng không báo cáo chính quyền địa phương. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện S sinh sống từ năm 2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị T và anh Th mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn, anh Th đồng ý là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Thân Tuyết A sinh ngày 18/3/2018, hiện cháu ở với anh Th. Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Con chung ở với anh Th từ năm 2022 đến nay. Nay ly hôn chị T đồng ý để anh Th nuôi con chung. Để ổn định cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Quyết phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Thân Văn Th

2. Về con chung: Giao cho anh Thân Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thân Tuyết A sinh ngày 18/3/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003305 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Chị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSNDTX V;
- Chi cục THADS TX V
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương

